

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày 13 - 6 - 2024

"V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, hợp đồng mua
bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Duy Thanh; 2. Bà Trần Thị Minh Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Đình Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa: 29/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ánh V (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị H (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Bà H N Rcăm (Vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn W, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trương Văn T (Vắng mặt).

Địa chỉ: Buôn W, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ánh V và vợ chồng bà H N RCăm, ông Trương Văn T là bạn bè làm ăn quen biết đã lâu. Vợ chồng bà H N thường xuyên mua phân bón, mua một số loại thuốc phục vụ cho nông nghiệp, vay tiền và chót cà phê của bà V để phục vụ sản xuất nông nghiệp, chi tiêu sinh hoạt gia đình. Mọi vấn đề vay mượn, mua bán giữa bà H N và bà V thì ông Trương Văn T là chồng bà H N đều biết và đồng ý.

Ngày 14/5/2020 hai bên chót lại toàn bộ nợ nần, vợ chồng bà H N còn nợ bà V số tiền là 468.820.000 đồng. Ngày 29/5/2020, bà H N mua của bà V 10 bao đạm với số tiền là 3.000.000 đồng. Ngày 28/6/2020, bà H N tiếp tục mua của bà V 6 bao phân bón với số tiền là 3.050.000 đồng. Ngày 03/7/2020, bà H N chót của bà V số lượng 350 kg cà phê nhân xô. Ngày 31/7/2020, bà H N mua của bà V 01 chai thuốc muỗi với số tiền là 900.000 đồng. Tiếp đến ngày 14/10/2020, bà H N vay của bà V số tiền 8.270.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng bà H N nợ của bà V số tiền là 484.040.000 đồng (chót nợ vào ngày 19/3/2021), lãi suất thỏa thuận 2,5%/tháng (có thỏa thuận trong giấy nhận nợ), hạn cuối năm trả đủ cả gốc và lãi. Bà H N là người trực tiếp ký tên vào giấy nhận nợ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Từ khi vay đến nay vợ chồng bà H N đã trả cho bà V số tiền là 62.490.000 đồng tiền lãi vào ngày 19/3/2021.

Bà V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà H N RCăm, ông Trương Văn T trả cho bà V số lượng 350 kg cà phê nhân xô, số tiền là 484.040.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất 20%/năm từ 19/3/2021 đến khi trả xong nợ. Đối với số tiền 62.490.000 đồng tiền lãi trả vào ngày 19/3/2021 là tiền lãi của các khoản nợ tính từ năm 2018 đến ngày 19/3/2021, số tiền lãi còn nợ từ trước ngày 19/3/2021 thì bà V không yêu cầu. Đối với yêu cầu buộc bà H N RCăm và ông Trương Văn T trả nợ 350 kg cà phê nhân xô thì bà V rút yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án bà H N RCăm và ông Trương Văn T không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành lấy lời khai của bà H N và ông T. Tuy nhiên, năm 2021 bà V có khởi kiện bà H N RCăm và ông Trương Văn T yêu cầu trả số lượng cà phê và số tiền nợ như trên, Tòa án đã thụ lý vụ án số 473/2021/TLST-DS ngày 17/12/2021; quá trình giải quyết vụ án, bà H N và ông T đã trình bày ý kiến, viết bản tự khai và xin thương lượng trả nợ cho bà V nên bà V đã rút đơn khởi kiện. Do đó, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã trích lục tài liệu trong hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 473/2021/TLST-DS ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản, giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh V, bị đơn bà H N RCăm và ông Trương Văn T, kết quả trích lục tài liệu như sau:

Tại bản tự khai ngày 21/12/2021 bà H N RCăm trình bày: Vợ chồng tôi và bà Nguyễn Thị Ánh V là chỗ làm ăn quen biết đã lâu. Vợ chồng tôi thường mua phân bón và vay tiền của bà V. Ngày 29/5 tôi có vay tiền phân là 3.000.000 đồng, nợ chuyển ngày 14/5/2020 chót sổ là 468.820.000 đồng. Ngày 28/6/2020 vợ chồng tôi có lấy phân là 3.050.000 đồng. Ngày 31/7/2020 vợ chồng lấy 1 chai thuốc muối 900.000 đồng. Ngày 14/10/2020 vợ chồng tôi có vay tiền 8.270.000 đồng. Tổng số tiền nợ là 484.040.000 đồng. Đối với khoản chót 350 kg tôi không nhận vì tôi không nhớ về nhà nhớ lại sau. Ngày 19/3/2020 vợ chồng tôi có trả cho chị Vân là 40.000.000 đồng. Ngày 28/12/2020 vợ chồng tôi có trả cho chị Vân là 10.000.000 đồng còn một món chưa trả xem sổ của chị Vân. Vợ chồng tôi chưa có năm nào không trả cho chị Vân. Tôi xác nhận hai bên đã có sự trả và chót lại số tiền nợ và trả cho chị Vân. Đến nay còn nợ 484.040.000 đồng và vợ chồng tôi có trả 50.000.000 đồng. Khi hai bên chót nợ, thì thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, tôi là người đã ký giấy nợ mà bà V cung cấp cho Tòa án. Nay bà V khởi kiện thì ý của vợ chồng tôi thì về nhà thương lượng lại với vợ chồng anh chị.

Tại bản tự khai ngày 21/12/2021 ông Trương Văn T trình bày: Từ năm 2018 tới nay vợ chồng tôi thường mua phân bón và vay tiền của bà Nguyễn Thị Ánh V. Tổng cộng nợ là 484.040.000 đồng. Ngày 19/3/2020 vợ chồng tôi trả 40.000.000 đồng, ngày 28/12/2020 vợ chồng tôi trả 10.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng. Số tiền 50.000.000 đồng mà vợ chồng tôi trả bao gồm cả gốc và lãi, hai bên cùng thống nhất. Đối với 350 kg cà phê đã lâu nên tôi không nhớ rõ tôi sẽ về đối chiếu lại sổ sách sau. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: *Áp dụng các Điều 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự*, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ánh V. Buộc bà H N Rcăm và ông Trương Văn T phải trả cho

bà Nguyễn Thị Ánh V số tiền 484.040.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bà H N RCăm và ông Trương Văn T trả 350 kg cà phê nhân xô. Về án phí: Bà H N RCăm và ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn có nơi cư trú tại buôn W, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về số nợ: Từ năm 2018 đến năm 2020 vợ chồng bà H N RCăm, ông Trương Văn T nhiều lần vay tiền và mua hàng hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp của bà Nguyễn Thị Ánh V. Đến ngày 14/5/2020 chốt sổ cộng nợ là 468.820.000 đồng; ngày 29/5/2024 bà H N mua phân bón chưa thanh toán với số tiền là 3.000.000, ngày 28/6/2020 bà H N nợ tiền mua phân bón của bà H N với số tiền là 3.050.000 đồng, ngày 31/7/2020 bà H N tiếp tục nợ tiền mua thuốc muỗi là 900.000 đồng, ngày 14/10/2020 bà H N vay bà V số tiền 8.270.000 đồng. Tổng số tiền nợ chốt vào ngày 19/3/2021 là 484.040.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng, bà H N và ông T xác nhận còn nợ bà V khoản tiền này.

Xét việc vay tiền, mua phân bón, thuốc phục vụ cho nông nghiệp giữa vợ chồng bà H N RCăm, ông Trương Văn T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, việc vợ chồng bà H N RCăm không trả nợ cho V khi bà V yêu cầu trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay và nghĩa vụ trả tiền của bên mua tài sản theo quy định tại Điều 440 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên bà V có quyền yêu cầu vợ chồng bà H N trả toàn bộ số tiền đã vay và thanh toán tiền mua tài sản còn nợ.

Vợ chồng bà H N trình bày ngày 19/3/2020 đã trả cho bà V 40.000.000 đồng, ngày 28/12/2020 trả 10.000.000 đồng, tổng cộng đã trả cho bà V số tiền 50.000.000 đồng, không xác định được trả tiền gốc hay lãi. Tuy nhiên, lời trình bày của bà H N và ông T không được bà V thừa nhận, bà H N và ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả cho bà V khoản tiền này nên không có căn cứ để xem xét đối với số tiền 50.000.000 đồng. Do đó, bà V đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H N R Cầm và ông Trương Văn T trả cho bà 484.040.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền và phần trình bày của các bên đều thống nhất lãi suất thỏa thuận là 2,5%/tháng (30%/năm), mức lãi suất theo thỏa thuận là vượt quá lãi suất giới hạn (20%/năm) theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó, mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc 484.040.000 đồng với mức lãi suất 20%/năm, từ ngày 19/3/2021 đến ngày xét xử 13/6/2024 (03 năm 02 tháng 24 ngày) là phù hợp với quy định Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

$484.040.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 3 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 312.922.000 \text{ đồng}.$

Quá trình giải quyết vụ án bà V thừa nhận đã nhận số tiền 62.490.000 đồng từ vợ chồng bà H N là tiền lãi của các khoản tiền còn nợ từ năm 2018 đến ngày 19/3/2021, số tiền lãi còn thiếu thì bà V không yêu cầu. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với khoản nợ chót ngày 14/5/2020 là 468.820.000 đồng có ghi lãi suất 2,5%/tháng, đối với các dòng ghi nợ mua phân bón, thuốc muối và khoản vay số tiền 8.270.000 đồng không thể hiện lãi suất. Do đó, tính tiền lãi của khoản nợ 468.820.000 đồng từ ngày 14/5/2020 đến ngày 19/3/2021 (10 tháng 05 ngày) là: $468.820.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm \times 10 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 79.434.000 \text{ đồng}.$ Bà V đã nhận của bà H N R Cầm số tiền lãi là 62.490.000 đồng, số tiền lãi còn lại bà V không yêu cầu là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng cộng, vợ chồng bà H N R Cầm, ông Trương Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh V số tiền 796.962.000 đồng (trong đó nợ gốc 484.040.000 đồng, nợ lãi 312.922.000 đồng).

[3.3] Đối với số lượng 350 kg cà phê nhân xô: Nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện về việc yêu cầu bà H N R Cầm và ông Trương Văn T trả 350 kg cà phê nhân xô là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần đình chỉ một phần vụ án đối với yêu cầu này.

[4] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: để đảm bảo thi hành án thì cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà H N RCăm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả: 20.000.000 đồng + (796.962.000 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 35.878.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; **điểm b khoản 2 Điều 227**; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

Áp dụng các Điều 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh V.

[1] Buộc bà H N RCăm và ông Trương Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh V số tiền 796.962.000 đồng (trong đó nợ gốc 484.040.000 đồng, nợ lãi 312.922.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bà H N RCăm và ông Trương Văn T trả 350 kg cà phê nhân xô.

[3] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời *Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp*".

[4] Về án phí: Bà H N RCăm và ông Trương Văn T phải chịu 35.878.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Ánh V được nhận lại 15.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0014847 ngày 10/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt

hoặc niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thiên Lý